

Số: 28/CBTT-CSG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Về thông qua việc ký kết, thực hiện hợp đồng, giao dịch giữa Công ty CP Cảng Sài Gòn và Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương mại Dịch vụ CSG (Công ty có vốn góp chi phối)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN**

- Mã chứng khoán: **SGP**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP.HCM

- Điện thoại: (028) 39 400 161

Fax: (028) 39 400 168

- Người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin: Ông Tô Thanh Trà - Người phụ trách quản trị công ty.

2. Nội dung thông tin công bố:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn đã ban hành các Nghị quyết sau:

- Nghị quyết số 904/NQ-CSG ngày 19/9/2024: thông qua việc ký kết, thực hiện hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn với Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương mại Dịch vụ CSG (Công ty có vốn góp chi phối) để cung cấp gói vật tư thấp cho các đơn vị, chi nhánh trực thuộc Cảng Sài Gòn.

- Nghị quyết số 905/NQ-CSG ngày 19/9/2024: thông qua việc ký kết, thực hiện hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn với Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương mại Dịch vụ CSG (Công ty có vốn góp chi phối) để sửa chữa đệm tàu năm 2024 khu vực bến Cảng Tân Thuận – Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Cảng Tân Thuận.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn vào ngày 19/9/2024 (www.saigonport.vn).

Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị CSG;
- Ban điều hành CSG;
- Ban kiểm soát CSG;
- Đăng tải website CSG;
- Lưu: VT, NPTQTCT.

* Đính kèm Nghị quyết số 904/NQ-CSG và số 905/NQ-CSG ngày 19/9/2024 của HĐQT Cảng Sài Gòn.

**TU. TỔNG GIÁM ĐỐC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Tô Thanh Trà

Số: 904/NQ-CSG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua việc ký kết, thực hiện hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn và Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương mại Dịch vụ Cảng Sài Gòn

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn;

Căn cứ Báo cáo số 106/BC-HĐQT ngày 19/9/2024 về kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn;

Theo đề nghị của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn tại Tờ trình số 964/TTr-CSG ngày 10/9/2024,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn ký kết, thực hiện hợp đồng, giao dịch với Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương mại Dịch vụ Cảng Sài Gòn (công ty có vốn góp chi phối) đối với gói cung cấp vật tư giá trị thấp cho các đơn vị, chi nhánh trực thuộc Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn theo đề xuất của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn tại Tờ trình số 964/TTr-CSG ngày 10/9/2024.

Điều 2. Hội đồng quản trị giao Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn triển khai đàm phán, ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương mại Dịch vụ Cảng Sài Gòn để thực hiện công việc nêu tại Điều 1; đồng thời thực hiện công bố thông tin theo quy định hiện hành. Người có thẩm quyền ký kết hợp đồng, giao dịch có liên quan chịu trách nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định hiện hành có liên quan.

Điều 3. Giao Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định hiện hành có liên quan./.

Nơi nhận:

- Hội đồng quản trị CSG;
- Ban kiểm soát CSG;
- Ban điều hành CSG;
- Các phòng ban: KTNB, TCKT, KTCT;
- Đăng Website Cảng Sài Gòn;
- Lưu: VT, HĐQT, NPTQTCT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Huỳnh Văn Cường

Số: 905/NQ-CSG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua việc ký kết, thực hiện hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn và Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương mại Dịch vụ Cảng Sài Gòn

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn;

Căn cứ Báo cáo số 107/BC-HĐQT ngày 19/9/2024 về kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn;

Theo đề nghị của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn tại Tờ trình số 955/TTr-CSG ngày 09/9/2024,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn ký kết, thực hiện hợp đồng, giao dịch với Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương mại Dịch vụ Cảng Sài Gòn (công ty có vốn góp chi phối) để sửa chữa đệm tàu năm 2024 khu vực bến Cảng Tân Thuận - Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Cảng Tân Thuận theo đề xuất của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn tại Tờ trình số 955/TTr-CSG ngày 09/9/2024.

Điều 2. Hội đồng quản trị giao Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn triển khai đàm phán, ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương mại Dịch vụ Cảng Sài Gòn để thực hiện công việc nêu tại Điều 1; đồng thời thực hiện công bố thông tin theo quy định hiện hành. Người có thẩm quyền ký kết hợp đồng, giao dịch có liên quan chịu trách nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định hiện hành có liên quan.

Điều 3. Giao Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định hiện hành có liên quan./.

Nơi nhận:

- Hội đồng quản trị CSG;
- Ban kiểm soát CSG;
- Ban điều hành CSG;
- Các phòng ban: KTNB, TCKT, KTCT;
- Đăng Website Cảng Sài Gòn;
- Lưu: VT, HĐQT, NPTQTCT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Huỳnh Văn Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: 417/KTD- CSG.2024

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ vào Quy định Luật Thương Mại của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội thông qua ngày 14/06/2005 qui định về hoạt động thương mại;
- Căn cứ theo yêu cầu, năng lực và thỏa thuận giữa hai Bên.

Hôm nay, ngày tháng năm, đại diện hai bên gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN

- Do Ông : **NGUYỄN LÊ CHƠN TÂM** Chức vụ: Tổng Giám Đốc
- Địa chỉ : Số 03, Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 84-028-38 264 955 Fax: 84-028-39 400 168
- Mã số thuế : 0300479714

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN

- Đại diện : Ông **VÕ MINH THIỆN** Chức vụ: Tổng Giám Đốc
- Địa chỉ : Số 212 Nguyễn Văn Linh, P.Tân Thuận Tây, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (+84) 028.38725121 Fax: (+84) 028.38725185
- Mã số thuế : 0309585467
- Số tài khoản : 1700201003180 - Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn – PGD Nhà Rông – TP.Hồ Chí Minh.

Sau khi thống nhất nội dung trao đổi, hai bên đồng ý ký kết Hợp đồng nguyên tắc cung cấp vật tư với các điều kiện và điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1 Nội dung hợp đồng

- Bên B đồng ý nhận thực hiện cung cấp vật tư với **giá trị dưới 20,000,000 đồng** (Hai mươi triệu đồng) theo yêu cầu của Bên A theo từng thời điểm.
- Thời điểm phát sinh nhu cầu cung cấp vật tư sẽ được hai bên thỏa thuận và thống nhất thông qua bảng chào giá đã được ký xác nhận giữa hai bên.
- Thuế suất thuế GTGT sẽ được điều chỉnh theo quy định hiện hành của Nhà nước tại thời điểm xuất hóa đơn.

1.2 Thời hạn hợp đồng:

- + Hiệu lực hợp đồng: kể từ ngày/...../2024 đến hết ngày **31/12/2024**.
- + Hiệu lực thanh toán: kể từ ngày bên B bàn giao vật tư cho bên A.

1.3 **Địa điểm giao hàng:** tại đơn vị, chi nhánh trực thuộc Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn.

1.4 **Thời gian giao hàng:** trong vòng 24h kể từ ngày Bên B nhận được phiếu đề xuất vật tư từ Bên A

ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1 **Giá trị hợp đồng:** Theo bảng chào giá tại từng thời điểm phát sinh cung cấp vật tư và đã được Bên A phê duyệt.

2.2 **Phương thức thanh toán:**

Thanh toán bằng chuyển khoản dưới hình thức Việt Nam đồng. Thanh toán 100% giá trị hợp đồng, thanh toán trong vòng không quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn thu phí dịch vụ do Bên B phát hành.

2.3 **Bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:**

- Giấy đề nghị thanh toán.
- Bảng báo giá.
- Biên bản bàn giao; nghiệm thu.
- Phiếu giao hàng đã được ký xác nhận giữa 2 bên (Có tên vật tư, số lượng, đơn giá)
- Hóa đơn GTGT hợp lệ

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1 **Trách nhiệm của Bên A:**

- Cử cán bộ kỹ thuật phối hợp với Bên B trong quá trình giao nhận và kiểm tra hàng hóa.
- Bố trí nhân lực, trang thiết bị cần thiết để tiếp nhận hàng và kiểm tra hàng hóa.
- Thông báo kịp thời bằng văn bản cho Bên B trường hợp vật tư Bên B cung cấp xảy ra sự cố để các bên tìm cách, thống nhất phương án xử lý.
- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên B khi thực hiện Hợp đồng tại kho bãi Bên A;
- Bên A lên kế hoạch nhu cầu cung cấp vật tư định kỳ hàng ngày, hàng tuần,... gửi trực tiếp hoặc thông qua bưu điện, email, phương tiện điện tử khác cho người đại diện Bên B để Bên B chuẩn bị kịp thời vật tư cung cấp cho Bên A.
- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại **Điều 2** của Hợp đồng. Trường hợp bên A chậm thanh toán chi phí theo quy định, bên A phải chịu phạt trả chậm với lãi suất quá hạn do ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định, tuy nhiên thời gian trả chậm không được vượt quá thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày đến hạn thanh toán theo quy định.

3.2 **Trách nhiệm của Bên B:**

- Giao hàng đúng số lượng, chất lượng và địa điểm, thời gian theo quy định của Hợp đồng này.
- Cam kết cung cấp vật tư đầy đủ, đúng đặc tính kỹ thuật, đúng kiểu dáng chủng loại như hồ sơ báo giá.
- Thông báo kịp thời cho Bên A bằng văn bản mọi trở ngại không lường trước được để hai bên cùng nhau bàn bạc và tìm cách giải quyết.
- Bên B cử đại diện tiếp nhận và xác nhận thông tin nhu cầu vật tư từ Bên A theo từng thời điểm đảm bảo kịp thời cung cấp vật tư.

- Bên B gửi thông tin liên hệ người đại diện tiếp nhận thông tin nhu cầu vật tư qua Bên A. Trong trường hợp cần thiết Bên A có thể chủ động liên hệ trực tiếp qua số điện thoại Hotline: 0909580181.
- Cung cấp đầy đủ bộ chứng từ thanh toán cho Bên A theo quy định tại **Điều 2** Hợp đồng;
- Thông báo bằng văn bản, email hoặc phương tiện điện tử khác cho Bên A thời gian giao hàng để Bên A lên kế hoạch sắp xếp cán bộ nhận bàn giao vật tư, hàng hóa.
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm an toàn lao động trong quá trình vận chuyển đến khi bàn giao hoàn tất vật tư.
- Phối hợp, hỗ trợ Bên A trong trường hợp xảy ra sự cố đối với vật tư trong phạm vi cung cấp của Bên B trong vòng 24h kể từ lúc nhận thông báo sự cố từ Bên A.
- Nếu vật tư bàn giao không đúng theo thỏa thuận, Bên A sẽ từ chối nhận hàng. Trong trường hợp này, mọi chi phí liên quan đến việc thu hồi vật tư và cung cấp lại vật tư theo thỏa thuận sẽ do Bên B chi trả.

ĐIỀU 4: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP.

- 4.1 Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận ghi trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh những vấn đề khó khăn, vướng mắc hai bên sẽ cùng bàn bạc và thống nhất cách giải quyết, không bên nào được tự ý sửa đổi các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Bên nào vi phạm một trong những điều đã ghi trong hợp đồng này phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật hiện hành.
- 4.2 Mọi tranh chấp phát sinh trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng trên tinh thần hợp tác, bình đẳng và cùng có lợi. Trong thời gian 30 ngày, hai bên không tự giải quyết được tranh chấp thì mỗi bên có quyền yêu cầu Toà án cấp có thẩm quyền giải quyết vụ việc theo qui định của pháp luật.

ĐIỀU 5: BẤT KHẢ KHÁNG.

- 5.1 Bất khả kháng được hiểu là những sự kiện xảy ra mang tính khách quan, nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, như: Chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.
- 5.2 Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.
- 5.3 Trong trường hợp này, một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.

ĐIỀU 6: TẠM DỪNG, HỦY BỎ HỢP ĐỒNG.

- 6.1 Tạm ngừng Hợp đồng:
 - Nếu một trong hai bên không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng. Bên không vi phạm có thể ra thông báo tạm ngừng công việc và yêu cầu Bên vi phạm phải thực hiện, sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý, cụ thể.
- 6.2 Chấm dứt Hợp đồng:

Hợp đồng có thể được chấm dứt khi một trong hai bên ở trong các trường hợp sau:

- Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thoả thuận và đồng ý của Bên đối tác còn lại.
- Bị phá sản, vỡ nợ hoặc bị quản lý tài sản.
- Thông báo chấm dứt Hợp đồng phải được gửi cho Bên đối tác còn lại trước thời hạn chấm dứt 07 (bảy) ngày.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 7.1 Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản như đã thoả thuận trong Hợp đồng, không bên nào đơn phương thay đổi hay hủy bỏ Hợp đồng (trừ trường hợp pháp luật quy định).
- 7.2 Trong trường hợp gặp khó khăn trở ngại, hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác, bình đẳng và cùng có lợi để đi đến thống nhất. Mọi thay đổi phát sinh đều phải được thể hiện bằng văn bản và là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng chính thức.
- 7.3 Mọi tranh chấp xảy ra nếu hai bên không giải quyết được bằng thương lượng, hai bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo qui định của pháp luật. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng để hai Bên cùng tuân thủ. Chi phí phát sinh trong quá trình tranh chấp sẽ do bên thua kiện chi trả.
- 7.4 Hợp đồng mặc nhiên được thanh lý khi 02 (hai) bên không tiếp tục gia hạn bằng phụ lục hợp đồng.
- 7.5 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 2 (hai) bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
Số: /2024/HĐ/CSG-KTD

Công trình: Sửa chữa đê m tàu năm 2024 Khu vực Tân Thuận 2 - Cảng Tân Thuận

I. Căn cứ ký kết hợp đồng

Căn cứ Luật Xây dựng ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng được Quốc Hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định Số: 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính Phủ về việc quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính Phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Bảng thuyết minh dự toán công trình Sửa chữa đê m tàu năm 2024 khu vực Tân Thuận 2 - Cảng Tân Thuận do Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn lập ngày 02/8/2024;

Căn cứ Quyết định số 632/QĐ-CSG ngày 07/8/2024 của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Sửa chữa đê m tàu năm 2024 khu vực Tân Thuận 2- Cảng Tân Thuận;

Căn cứ Quyết định số 642/QĐ-CSG ngày 13/8/2024 của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình Sửa chữa đê m tàu năm 2024 khu vực Tân Thuận 2 - Cảng Tân Thuận;

Hôm nay, ngày tháng năm 2024 tại văn phòng Công ty Cổ Phần Cảng Sài Gòn, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

II. Các bên ký hợp đồng

BÊN GIAO (Bên A): CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN

Đại diện : Ông Nguyễn Lê Chơn Tâm Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Địa chỉ : 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 02839401825 – 02839401826; Số Fax : 02839400168

Tài khoản số : 102010000106887 Ngân Hàng Công Thương CN4, TP. Hồ Chí Minh.

Mã số thuế : 0300479714



**BÊN NHẬN (Bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
CẢNG SÀI GÒN**

Đại diện : Ông Võ Minh Thiện

Chức vụ : Tổng Giám Đốc

Địa chỉ : 212 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, TP Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 028.38725121

Tài khoản số : 1700201003180 tại Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn PGD Nhà Rồng – TP.Hồ Chí Minh.

Mã số thuế : 0309585467

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng thi công xây dựng với những điều khoản sau:

Điều 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên A giao và Bên B nhận thực hiện thi công công trình: Sửa chữa và thay mới đệm tàu năm 2024 – khu vực Tân Thuận 2 Cảng Tân Thuận theo đúng Hồ sơ dự toán thi công đã được Bên A phê duyệt.

Công việc bao gồm: Cung cấp vật tư, nhân lực, thiết bị để thực hiện thi công hoàn thành công việc theo Bảng đơn giá và giá phụ lục hợp đồng đính kèm.

Điều 2: LOẠI HỢP ĐỒNG, GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Giá trị hợp đồng: **944.832.184 đồng** (Bằng chữ: *Chín trăm bốn mươi bốn triệu, tám trăm ba mươi hai ngàn, một trăm tám mươi bốn đồng*).

Giá trị hợp đồng đã bao gồm 8% VAT, tất cả các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) liên quan khác để thực hiện toàn bộ các nội dung công việc tại Điều 1 của Hợp đồng.

Điều 3: THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KIỆN KHỞI CÔNG

a/ Thời gian thực hiện: 45 ngày (Bốn mươi lăm ngày) kể từ ngày ký hợp đồng và Bên A bàn giao mặt bằng thi công (kể cả thứ 7, chủ nhật). Không bao gồm các nguyên nhân bất khả kháng tại Điều 10 gây ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng, được hai Bên thống nhất xác nhận.

b/ Điều kiện khởi công:

Bên A có thông báo khởi công và hoàn thành giải phóng hiện trường, bàn giao mặt bằng thi công cho Bên B.

Điều 4: QUẢN LÝ KỸ THUẬT - CHẤT LƯỢNG, BẢO HÀNH CÔNG TRÌNH

a/ Quản lý kỹ thuật, chất lượng công trình

Bên B cam kết thực hiện đúng và chịu trách nhiệm về chất lượng kỹ thuật công trình, đảm bảo tuân thủ theo các quy định về xây dựng, đúng thời gian, tiến độ thi công theo thỏa thuận Hợp đồng.

Bên B phải trình biện pháp thi công, tiến độ thực hiện chi tiết từng giai đoạn cho Bên A và Tư vấn giám sát (nếu có) để thống nhất trước khi thực hiện.

Bên A cấp cho Bên B một Sổ nhật ký công trình. Sổ này luôn luôn để tại công trường và được ghi chép lại mọi diễn biến hàng ngày trong quá trình thi công để làm cơ sở nghiệm thu, thanh quyết toán sau này.

Vật tư cấp cho công trình phải được nghiệm thu về số lượng, chất lượng trước khi đưa vào sử dụng. Khi tiến hành thí nghiệm, nếu phát hiện vật tư kém chất lượng thì Bên B phải đưa vật tư kém chất lượng ra khỏi công trường, đồng thời cung cấp lại vật tư đúng chất lượng và chịu toàn bộ chi phí thí nghiệm vật tư và các chi phí liên quan.

b/ Bảo hành công trình

Thời gian bảo hành công trình là **12 tháng** kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. Nội dung bảo hành bao gồm khắc phục, sửa chữa khiếm khuyết do lỗi được xác định thuộc phạm vi công việc của Bên B gây ra.

Trường hợp Bên A khai thác không đúng công năng theo quy định thiết kế thì không thuộc phần trách nhiệm bảo hành của Bên B.

Điều 5: CÔNG TÁC AN TOÀN LAO ĐỘNG

Bên B có trách nhiệm huấn luyện, trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện an toàn lao động cho công nhân viên của mình; cùng với Bên A chỉ đạo và giám sát an toàn lao động trong quá trình thi công, đảm bảo tuân thủ đúng quy định về an toàn lao động của Nhà nước ban hành và nội quy an toàn lao động của Bên A.

Các phương tiện, thiết bị Bên B đưa vào thi công tại công trường phải có đầy đủ biên bản đăng kiểm thiết bị còn giá trị sử dụng. Trước khi đưa vào phải trình danh sách thiết bị cho Bên A và Tư vấn giám sát thống nhất trước khi thực hiện.

Điều 6: HÌNH THỨC, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

a/ Hình thức thanh toán: Chuyển khoản theo thông tin tài khoản trên Hợp đồng.

b/ Phương thức thanh toán: Chia làm 2 đợt, cụ thể:

• **Đợt 1:** Tạm ứng 30% tổng giá trị Hợp đồng, tương ứng số tiền làm tròn 283.400.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm tám mươi ba triệu bốn trăm ngàn đồng*) trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng và Bên A nhận đủ hồ sơ tạm ứng theo quy định, bao gồm: Hợp đồng, Công văn đề nghị tạm ứng.

• **Đợt 2:** Thanh toán toàn bộ giá trị quyết toán hoàn thành công trình (sau khi trừ đi giá trị đã tạm ứng) trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày công trình được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng và Bên A nhận được hồ sơ thanh toán hoàn tất theo quy định, bao gồm:

- + Biên bản nghiệm thu khối lượng thi công thực tế, được đại diện các Bên xác nhận;
- + Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành;
- + Biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng;
- + Hồ sơ hoàn công theo quy định – nếu có;
- + Biên bản thanh quyết toán và thanh lý hợp đồng;
- + Công văn đề nghị thanh toán hoàn tất.

Điều 7: NGHIỆM THU BÀN GIAO CÔNG TRÌNH VÀ THANH QUYẾT TOÁN

a/ Nghiệm thu bàn giao:

Khi công trình hoàn thành, Bên B sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên A thời gian nghiệm thu trước 02 ngày làm việc để Bên A sắp xếp cử cán bộ phối hợp nghiệm thu. Thời gian nghiệm thu chậm nhất là 3 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị nghiệm thu của bên B. Trong trường hợp chưa đủ điều kiện để nghiệm thu thì bên A sẽ thông báo cho bên B biết để bổ sung, hoàn thiện.

b/ Thanh quyết toán:

Ngay sau khi công trình được nghiệm thu bàn giao, Bên B phải xúc tiến việc lập hồ sơ hoàn công và hồ sơ thanh quyết toán cho Bên A. Trong vòng 20 ngày kể từ ngày nghiệm thu, bên B phải nộp cho bên A hồ sơ thanh quyết toán hoàn chỉnh kèm theo hồ sơ hoàn công.

Điều 8: QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

a/ Quyền hạn của Bên A

Giám sát, kiểm tra, đôn đốc và có quyền yêu cầu Bên B sửa chữa những sai sót hoặc bỏ sung, thay đổi những vấn đề không phù hợp với yêu cầu thiết kế.

Xem xét và chấp thuận kịp thời bằng văn bản các đề xuất liên quan đến thiết kế, thi công của Bên B (nếu phù hợp) trong quá trình thi công.

Yêu cầu Bên B điều chỉnh hay thay thế bất kỳ nhân sự nào của Bên B khi các nhân sự này không đáp ứng được yêu cầu của công việc về trình độ chuyên môn, vi phạm các điều khoản của Hợp đồng hoặc có thái độ bất hợp tác với Bên A trong quá trình thực hiện hợp đồng. Khi đó bên B có nghĩa vụ đáp ứng yêu cầu của Bên A.

Yêu cầu bên B đưa ra khỏi công trường bất cứ loại thiết bị thi công nào không đảm bảo an toàn trong thi công.

Bên A hoặc giám sát thi công Bên A có quyền đình chỉ thi công khi phát hiện Bên B không tuân thủ theo biện pháp thi công được phê duyệt.

Xử lý trách nhiệm Bên B theo các quy định, quy chế nội bộ Bên A trong trường hợp Bên B vi phạm các điều khoản Hợp Đồng về chất lượng, tiến độ công trình, chậm lập hồ sơ thanh quyết toán.

b/ Trách nhiệm của Bên A

Thanh toán đúng theo thời gian quy định của Hợp đồng.

Xác nhận, nghiệm thu toàn bộ khối lượng, chất lượng công việc do Bên B đã thực hiện và các nội dung của hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ thanh toán do Bên B lập nếu đạt yêu cầu.

Cung cấp các tài liệu, các văn bản liên quan cần thiết, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, giải phóng và bàn giao mặt bằng đúng thời hạn quy định, cấp giấy phép và tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhân lực và thiết bị của Bên B tiến hành công tác thi công công trình đúng tiến độ.

Hỗ trợ đấu nối nguồn điện, nước để Bên B phục vụ thi công công trình.

Trường hợp Bên A bàn giao mặt bằng không đáp ứng tiến độ thi công như đã thống nhất hoặc yêu cầu dừng thi công để trình xử lý kỹ thuật và các nguyên nhân khác mà không do lỗi của bên B, thời gian hợp đồng sẽ được gia hạn theo đúng số ngày tạm ngừng thực hiện và phải

thanh toán chi phí thiệt hại do nhân công và thiết bị của Bên B chờ đợi trong thời gian chậm xử lý.

Tổ chức phối hợp nghiệm thu, tiếp nhận bàn giao hạng mục công trình, quyết toán theo đúng quy định của Nhà nước.

Cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên theo dõi giám sát tại công trường để giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi công. Những vấn đề gì không giải quyết được phải báo ngay cho cấp có thẩm quyền thống nhất để làm cơ sở thực hiện.

Điều 9: QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B

a/ Quyền hạn của Bên B

Chủ động thực hiện các công việc được giao, đảm bảo tiến độ thực hiện theo quy định của Hợp đồng.

Yêu cầu Bên A cung cấp những tài liệu cần thiết trong phạm vi cho phép của bên A mà có liên quan đến phạm vi công việc Hợp đồng.

Yêu cầu Bên A xác nhận các phần việc phát sinh không có trong Hợp đồng nhưng bắt buộc phải thực hiện để hoàn thành công việc hợp đồng.

b/ Trách nhiệm của Bên B

Thi công xây dựng theo đúng hợp đồng, bản vẽ thiết kế xây dựng công trình; đảm bảo chất lượng công trình và an toàn thi công.

Trước ngày khởi công thi công công trình, bên B phải trình cho bên A tên và các thông tin về người đại diện, cũng như quyền hạn và trách nhiệm của họ.

Tổ chức thi công đúng quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng quy định trong các tiêu chuẩn quy phạm thi công, nghiệm thu, kiểm tra công trình hiện hành của Nhà nước...

Tiến hành khởi công và hoàn thành công trình theo đúng khối lượng, chất lượng theo hồ sơ thiết kế thỏa thuận trong hợp đồng.

Vật tư đưa vào sử dụng trong công trường phải đúng chủng loại, chất lượng theo yêu cầu thiết kế. Thiết bị thi công phải đảm bảo an toàn, đầy đủ hồ sơ pháp lý theo quy định.

Tự thanh toán chi phí điện nước khi thi công.

Chịu trách nhiệm giải quyết và đền bù các hư hỏng, thiệt hại do việc thi công gây ra cho các hạng mục khác của công trình hoặc các công trình kế cận do lỗi của Bên B.

Bên B tuân thủ đúng các quy định của chính quyền địa phương về: xin phép lưu thông máy móc, thiết bị có liên quan đến công việc thực hiện hợp đồng; các quy định về đảm bảo an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường và các quy định khác có liên quan.

Chịu trách nhiệm về các vấn đề an toàn lao động đối với người, thiết bị, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, trật tự trị an trên công trường và khu vực có liên quan.

Lập hồ sơ hoàn công, quyết toán và các thủ tục để được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định.

Lập nhật ký thi công xây dựng theo đúng quy định.

Lập và phê duyệt biện pháp thi công trong đó quy định rõ các biện pháp đảm bảo an toàn cho người, máy, thiết bị và công trình tiến độ thi công, trừ trường hợp trong hợp đồng có quy định khác.

Bố trí nhân lực, cung cấp vật tư, thiết bị thi công theo yêu cầu của Hợp đồng và quy định Pháp luật có liên quan.

Thực hiện các công tác kiểm tra, thí nghiệm vật liệu, cấu kiện, vật tư, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước khi xây dựng và lắp đặt vào công trình xây dựng theo quy định của tiêu chuẩn, yêu cầu của thiết kế và yêu cầu của hợp đồng xây dựng.

Báo cáo Bên A về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường thi công xây dựng theo yêu cầu của Bên A.

Sửa chữa sai sót, khiếm khuyết chất lượng với những công việc do mình thực hiện; chủ trì, phối hợp với Bên A khắc phục hậu quả, sự cố trong quá trình thi công xây dựng công trình, lập báo cáo sự cố và phối hợp với các bên liên quan trong quá trình giám định nguyên nhân sự cố.

Thông báo kịp thời cho chủ đầu tư nếu phát hiện bất kỳ sai khác nào giữa thiết kế, hồ sơ hợp đồng và điều kiện hiện trường.

Hoàn trả mặt bằng, di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và những tài sản khác của mình ra khỏi công trường sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao, trừ trường hợp trong hợp đồng có thỏa thuận khác.

Chịu mọi xử lý trách nhiệm theo quy định, quy chế nội bộ của Bên A trong trường hợp vi phạm các điều khoản của Hợp đồng về chất lượng, tiến độ công trình, chậm lập hồ sơ thanh quyết toán.

Điều 10. BẤT KHẢ KHÁNG:

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão lụt, lốc, lở đất, hỏa hoạn,...và các thảm họa khác chưa lường hết được; sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam...gây ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng.

Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài tương ứng với thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

Điều 11. TẠM DỪNG, CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG:

a/ Tạm dừng Hợp đồng:

Do lỗi của Bên A hoặc Bên B gây ra;

Các trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 10;

Các trường hợp khác do hai bên thỏa thuận.

Một bên có quyền quyết định tạm dừng Hợp đồng do lỗi bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng xây dựng đã ký kết; Trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên bị thiệt hại.

Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng Hợp đồng sẽ được hai bên thỏa thuận để khắc phục.

b/ Chấm dứt Hợp đồng:

Một bên có quyền chấm dứt Hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm Hợp đồng. Bên vi phạm Hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên bị vi phạm;

Bên chấm dứt Hợp đồng phải thông báo ngay bằng văn bản cho bên kia biết về việc chấm dứt; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên chấm dứt Hợp đồng phải bồi thường;

Khi Hợp đồng bị chấm dứt, thì Hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị chấm dứt và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền.

Điều 12: ĐIỀU KHOẢN CHUNG :

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trên đây, bên nào vi phạm sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Nhà nước và Pháp luật.

Trong quá trình thi công hợp đồng, nếu Nhà nước ban hành chế độ xây dựng mới thì các Bên sẽ lấy làm cơ sở điều chỉnh hợp đồng cho phù hợp. Việc điều chỉnh phải được các Bên thống nhất ký Phụ lục hợp đồng trước khi thực hiện.

Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Phán quyết cuối cùng của Tòa án sẽ làm cơ sở để hai bên thực hiện.

Hợp đồng được lập thành 06 bản, mỗi bên giữ 03 bản có giá trị ngang nhau để làm cơ sở cùng thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A